

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án.

1.1. Thông tin chung

- **Tên dự án:** “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”
- **Tên chủ dự án:** Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.
 - + Địa chỉ liên hệ: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).
 - + Địa điểm thực hiện dự án: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

1.2. Quy mô, công suất:

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN hoàn chỉnh về hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty, đơn vị trong và ngoài nước thuê đất xây dựng nhà xưởng, nhà kho để hoạt động sản xuất, kinh doanh.

*Cơ cấu sử dụng đất trong KCN Chơn Thành I.

Tổng diện tích đất theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 KCN Chơn Thành giai đoạn 1 đã được mô tả trong báo cáo ĐTM phê duyệt năm 2015 và quy hoạch mới theo Quyết định số 2244/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I không thay đổi là 124,4838 ha.

Cơ cấu sử dụng đất của KCN như sau:

Bảng 0- 1: Cơ cấu sử dụng đất của KCN Chơn Thành I.

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh cho đến nay		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)		
1	Đất xây dựng nhà máy	730.568	58,69	827.623	66,48	≥55%	97.055

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh cho đến nay		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)		
2	Đất cây xanh	161.504	12,97	139.546	11,21	≥10%	-21.958
3	Đất giao thông + đường sắt Xuyên Á	189.223	15,20	209.976	16,87	≥8%	20.753
4	Đất điều hành, dịch vụ	131.002	10,52	31.471	2,53	≥1%	-99531
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	32.541	2,61	36.222	2,91	≥1%	3681
Tổng cộng		1.244.838	100,0	1.244.838	100,0		

(Nguồn: Theo Quyết định số 2244/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I)

1.3. Công nghệ sản xuất.

KCN Chơn Thành I có đặc thù là kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp vì vậy công nghệ sản xuất có liên quan đến ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN.

Hiện nay, KCN Chơn Thành I đang thu hút các ngành nghề đầu tư theo Giấy phép môi trường số 37/GP-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước cũ cấp phép. KCN tập trung thu hút đầu tư các ngành nghề như sau:

Bảng 0- 2: Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Chơn Thành I

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	A				
Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm		01	014	0146	01461
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	C				
Giết mổ gia súc, gia cầm		10	101	1010	10101
Chế biến và bảo quản thịt		10	101	1010	10102
Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt		10	101	1010	10109
Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản		10	102	1020	
Sản xuất nước ép từ rau quả		10	103	1030	10301
Chế biến và bảo quản rau quả khác		10	103	1030	10309
Sản xuất dầu, mỡ động vật		10	104	1040	10401
Sản xuất dầu, bơ thực vật		10	104	1040	10402

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		10	105	1050	10500
Xay xát		10	106	1061	10611
Sản xuất đường		10	107	1072	10720
Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo		10	107	1073	10730
Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự		10	107	1074	10740
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt		10	107	1075	10751
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản		10	107	1075	10752
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác		10	107	1075	10759
Sản xuất chè		10	107	1076	10760
Sản xuất cà phê		10	107	1077	10770
Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu		10	107	1079	10790
Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản		10	108	1080	10800
Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh		11	110	1101	11010
Sản xuất rượu vang		11	110	1102	11020
Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia		11	110	1103	11030
Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai		11	110	1104	11041
Sản xuất đồ uống không cồn		11	110	1104	11042
Sản xuất sợi		13	131	1311	13110
Sản xuất vải dệt thoi		13	131	1312	13120
Hoàn thiện sản phẩm dệt		13	131	1313	13130
Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác		13	139	1391	13910
Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)		13	139	1392	13920
Sản xuất thảm, chăn, đệm		13	139	1393	13930
Sản xuất các loại dây bện và lưới		13	139	1394	13940
Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu		13	139	1399	13990
May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)		14	141	1410	14100
Sản xuất sản phẩm từ da lông thú		14	142	1420	14200
Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc		14	143	1430	14300
Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú		15	151	1511	15110

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm		15	151	1512	15120
Sản xuất giày, dép		15	152	1520	15200
Cửa, xẻ và bào gỗ		16	161	1610	16101
Bảo quản gỗ		16	161	1610	16102
Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác		16	162	1621	16210
Sản xuất đồ gỗ xây dựng		16	162	1622	16220
Sản xuất bao bì bằng gỗ		16	162	1623	16230
Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ		16	162	1629	16291
Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện		16	162	1629	16292
Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa		17	170	1702	17021
Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn		17	170	1702	17022
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu		17	170	1709	17090
In ấn		18	181	1811	18110
Dịch vụ liên quan đến in		18	181	1812	18120
Sản xuất khí công nghiệp		20	201	2011	20111
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ		20	201	2012	20120
Sản xuất plastic nguyên sinh		20	201	2013	20131
Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít		20	202	2022	20221
Sản xuất mỹ phẩm		20	202	2023	20231
Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		20	202	2023	20232
Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu		20	202	2029	20290
Sản xuất thuốc các loại		21	210	2100	21001
Sản xuất hoá dược và dược liệu		21	210	2100	21002
Sản xuất bao bì từ plastic		22	222	2220	22201
Sản xuất sản phẩm khác từ plastic		22	222	2220	22209
Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng		23	231	2310	23101
Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng		23	231	2310	23102

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh		23	231	2310	23103
Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh		23	231	2310	23109
Sản xuất sản phẩm chịu lửa		23	239	2391	23910
Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác		23	239	2393	23930
Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao		23	239	2395	23950
Sản xuất sắt, thép, gang		24	241	2410	24100
Sản xuất các cấu kiện kim loại		25	251	2511	25110
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại		25	251	2512	25120
Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)		25	251	2513	25130
Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		25	259	2591	25910
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại		25	259	2592	25920
Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng		25	259	2593	25930
Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn		25	259	2599	25991
Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu		25	259	2599	25999
Sản xuất linh kiện điện tử		26	261	2610	26100
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính		26	262	2620	26200
Sản xuất thiết bị truyền thông		26	263	2630	26300
Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng		26	264	2640	26400
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển		26	265	2651	26510
Sản xuất đồng hồ		26	265	2652	26520
Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp		26	266	2660	26600
Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học		26	267	2670	26700
Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học		26	268	2680	26800
Sản xuất mô tơ, máy phát		27	271	2710	27101
Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện		27	271	2710	27102

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất pin và ắc quy		27	272	2720	27200
Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học		27	273	2731	27310
Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác		27	273	2732	27320
Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại		27	273	2733	27330
Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng		27	274	2740	27400
Sản xuất đồ điện dân dụng		27	275	2750	27500
Sản xuất thiết bị điện khác		27	279	2790	27900
Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)		28	281	2811	28110
Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu		28	281	2812	28120
Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác		28	281	2813	28130
Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động		28	281	2814	28140
Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung		28	281	2815	28150
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp		28	281	2816	28160
Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)		28	281	2817	28170
Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén		28	281	2818	28180
Sản xuất máy thông dụng khác		28	281	2819	28190
Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp		28	282	2821	28210
Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại		28	282	2822	28220
Sản xuất máy luyện kim		28	282	2823	28230
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		28	282	2824	28240
Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Cơ sở đầu tư nhà máy chế biến sữa)		28	282	2825	28250
Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da		28	282	2826	28260
Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng		28	282	2829	28291
Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu		28	282	2829	28299
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		29	291	2910	29100
Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rô moóc và bán rô moóc		29	292	2920	29200
Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác		29	293	2930	29300

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất mô tô, xe máy (Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô)		30	309	3091	30910
Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp, xe khuyết tật)		30	309	3092	30920
Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu		30	309	3099	30990
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ		31	310	3100	31001
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại		31	310	3100	31002
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác		31	310	3100	31009
Sản xuất nhạc cụ		32	322	3220	32200
Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao		32	323	3230	32300
Sản xuất đồ chơi, trò chơi		32	324	3240	32400
Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa		32	325	3250	32501
Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng		32	325	3250	32502
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu		32	329	3290	32900
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	D				
Điện mặt trời		35	351	3511	35116
Điện khác		35	351	3511	35119
XÂY DỰNG	F				
Xây dựng nhà không để ở		41	410	4102	1020
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	G				
Bán buôn tổng hợp		46	469	4690	46900
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4711	
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4719	
VẬN TẢI KHO BÃI	H				
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan		52	521	5210	52101
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)		52	521	5210	52102

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác		52	521	5210	52109
Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển		52	522	5229	52291
Logistics		52	522	5229	52292
Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu		52	522	5229	52299
Bưu chính		53	631	5310	53100
DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	I				
Khách sạn		55	551	5510	55101
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày		55	551	5510	55102
Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày		55	551	5510	55103
Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự		55	551	5510	55104
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động		56	561	5610	
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	L				
Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở		68	681	6810	68101
Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở		68	681	6810	68102
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở		68	681	6810	68103
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở		68	681	6810	68104
Kinh doanh bất động sản khác		68	681	6810	68109
HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	M				
Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật		69	691	6910	69101
Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý		69	691	6910	69102
Hoạt động pháp luật khác		69	691	6910	69109
Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế		69	692	6920	69200
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	N				
Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm		78	781	7810	78100
Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp		82	821	8211	82110

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	R				
Hoạt động của các cơ sở thể thao		93	931	9311	93110
Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao		93	931	9312	93120
Hoạt động thể thao khác		93	931	9319	93190
Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề		93	932	9321	93210
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu		93	932	9329	93290

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a). Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.

Chủ đầu tư là Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã đầu tư, xây dựng KCN hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như: giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện trên diện tích 124,48 ha. Sau đó, mời gọi các Công ty trong và ngoài nước vào đầu tư với các chế độ ưu đãi hợp lý.

Các hạng mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A) được xả ra suối Hồ Đá.
- Một (01) kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 15,2 m².
- Một (01) kho chứa chất thải thông thường với diện tích 15,2m².
- Hệ thống cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly, cây xanh đường giao thông.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp trong KCN, lượng nước thải này được thu gom, xử lý tại hệ thống XLNT của KCN đạt QCVN 40:2025/BTNMT(cột A) trước khi xả ra suối Hồ Đá. Suối Hồ Đá thuộc lưu vực sông Thị Tính và sông Thị Tính là nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Do đó, dự án không xả thải trực tiếp vào nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Dự án nằm trong khu đất được quy hoạch là đất khu công nghiệp, hiện nay đã đầu tư hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và hệ thống XLNT công suất...khi triển khai nâng công suất hệ thống XLNT, chủ đầu tư lắp đặt và bổ sung hoàn thiện công trình.

Vì vậy dự án không thuộc đối tượng được quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm

e, khoản 4, Điều 25 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư.

– Vị trí địa lý.

KCN Chơn Thành I có tổng diện tích 124,4838 ha tọa lạc tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước), với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp đường số 06, kế tiếp là KCN Chơn Thành II.
- Phía Nam: giáp Tỉnh lộ (ranh giới giữa tỉnh Bình Dương cũ và Bình Phước cũ).
- Phía Đông: giáp Quốc lộ 13.
- Phía Tây: giáp kênh thoát nước và đất trồng cao su.

Bảng 1- 1: Tọa độ các mốc ranh giới khu đất dự án

STT	Điểm góc	Tọa độ (hệ VN 2000, múi chiếu 3°Bình Phước)	
		X (m)	Y (m)
1	M1	1259913,6	537411,4
2	M2	1259842,3	539487,3
3	M3	1259492,9	539617,8
4	M4	1259473,8	539222,1
5	M5	1259340,8	539273,1
6	M6	1259299,6	538772,9
7	M7	1259385,7	538773,0
8	M8	1259403,0	538300,0
9	M9	1259258,7	538292,9
10	M10	1259022,2	537608,8
11	M11	1259436,3	537390,8



Hình Error! No text of specified style in document.-1: Vị trí KCN Chơn Thành I với các điểm tiếp giáp.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”



Hình Error! No text of specified style in document.-2: Sơ đồ vị trí KCN Chơn Thành I trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ

Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội và các đối tượng khác

❖ **Dân cư**

- Giáp ranh với Trường Cao Đẳng nghề Bình Phước hiện hữu ở phía Nam của KCN (phạm vi tỉnh Bình Phước cũ).
- Giáp ranh phía dự án Khu đô thị Phúc An Garden (Phúc An City Bình Dương) ở phía Nam của KCN (bên kia tỉnh lộ, địa phận tỉnh Bình Dương cũ).
- Tiếp giáp với KCN Chơn Thành 2 hiện hữu đang hoạt động ở phía Bắc của KCN.
- Cách KCN Becamex – Chơn Thành khoảng 5,5 km về phía Đông Bắc của KCN;

- Cách UBND xã Thành Tâm 500m về phía Đông Bắc của KCN.
- Cách KCN Minh Hưng III khoảng 8,5 km về phía Bắc;

Trong vòng bán kính 2km xung quanh khu vực dự án không có công trình kiến trúc, di tích lịch sử nào cần bảo tồn.

❖ *Hệ thống sông, suối, ao hồ*

Sát ranh KCN Chơn Thành I tại phía Tây giáp ranh với suối Hố Đá. Suối Hố Đá có chiều dài ngắn. Suối Hố Đá có bề rộng dao động khoảng 2 – 5m, trung bình khoảng 3m; chiều sâu khoảng 2 – 4m, trung bình khoảng 3m. Lưu lượng của suối Hố Đá khoảng 12 - 18 m³/s trong mùa mưa, và thấp hơn 1 m³/s trong mùa khô. Đoạn cuối của suối Hố Đá hợp lưu với suối Đồi và đổ về suối Ông Thành, suối Ông Thành hợp lưu với suối Bà trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũ sau đó đổ ra suối Cầm Xe và chảy ra sông Thị Tính (suối Bà Vã).

Suối Hố Đá là nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của KCN Chơn Thành I.

❖ *Các công trình kiến trúc, đối tượng kinh tế - xã hội*

Trong vòng bán kính 2 km xung quanh khu vực dự án không có công trình kiến trúc, công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử đặc biệt hay đối tượng kinh tế - xã hội đặc biệt. Lân cận khu vực dự án không có vườn quốc gia, khu bảo tồn, di tích, những vùng nhạy cảm môi trường.

❖ *Vị trí dự án so với đường giao thông*

KCN Chơn Thành I nằm tại phường Thành Tâm, T.X Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai. Phía Đông giáp QL13, phía Nam giáp với trục tỉnh lộ chạy dọc ranh giới giữa 2 tỉnh Bình Dương cũ (nay là Tp. HCM) và Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai), phía Bắc giáp với đường trục chính số 6 là của KCN đi ra QL13.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Tóm tắt các tác động liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

Giai đoạn thi công xây dựng.

Bảng 0- 3: Tóm tắt các tác động đến môi trường trong giai đoạn lắp đặt

TT	Hoạt động	Tác nhân	Đối tượng bị tác động
1	Lắp đặt máy	Bụi, khí thải từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải	Chất lượng môi trường không khí Giao thông khu vực Tiếng ồn
		Khí thải do các phương tiện vận chuyển, lắp ráp: Ô tô, máy nâng, xe cẩu, ...	

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)”

	móc thiết bị	Ô nhiễm nhiệt	
		Nước mưa chảy tràn	
2	Hoạt động của công nhân	Nước thải sinh hoạt	Môi trường nước mặt Môi trường đất, nước ngầm Cảnh quan khu vực Dự án và khu vực xung quanh Sức khỏe của công nhân

Giai đoạn vận hành

Bảng 0- 4: Các tác động trong giai đoạn hoạt động của dự án

Nguồn tác động	Hoạt động phát sinh	Tác nhân gây tác động	Đối tượng bị tác động
A. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải			
Khí thải	Các hoạt động giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của các Doanh nghiệp khu công nghiệp	Bụi đất cuốn từ mặt đất, các khí thải sinh ra do đốt nhiên liệu vận hành xe: Bụi, NO _x , SO _x , CO,...	Môi trường không khí
	Hoạt động sản xuất của các Doanh nghiệp KCN	Bụi, khí thải, nhiệt độ từ hoạt động sản xuất Mùi từ gia vị, phụ gia,...	
	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải và khu tập trung chất thải rắn	Mùi hôi, sol khí	
Nước thải	Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên hoạt động tại văn phòng KCN và trạm XLNT tập trung	Chất hữu cơ, các chất lơ lửng, cặn bã và các vi sinh vật gây bệnh	Môi trường nước mặt, nước ngầm
	Nước thải sản xuất từ hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN	Chất hữu cơ, các chất lơ lửng, cặn bã và các vi sinh vật gây bệnh, bụi sản phẩm, mùi hôi, bùn dư, rác thải	
Chất thải rắn	Rác thải sinh hoạt	Chất rắn, chủ yếu là hữu cơ như thức ăn thừa, vỏ trái cây,...	Môi trường nước mặt, đất, nước ngầm
	Chất thải công nghiệp	Chủ yếu là: bao bì, giấy, nhựa,...	
	Chất thải nguy hại	Chủ yếu là: thùng đựng hóa chất thải, giẻ lau dính nhớt, nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang, pin, hộp mực thải,...	
B.Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải			

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa	Hoạt động của máy móc, thiết bị trạm XLNT tập trung. Hoạt động của các phương tiện giao thông	Tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa	Sức khỏe công nhân
Nước mưa chảy tràn	Từ lượng mưa vượt thấm trên toàn bộ diện tích hạ tầng KCN	Nước mưa chảy tràn, chất lơ lửng	Môi trường nước mặt
Mất an ninh, trật tự	Thuê người lao động của các doanh nghiệp trong KCN	Văn hóa xã hội, sinh hoạt của người lao động	Nhân dân địa phương

2.2.1.1. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.

a. Nước thải, khí thải

a1). Nước thải

*** Trong giai đoạn thi công xây dựng:**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, Coliform;

- Nước thải xây dựng: Hoạt động rửa bánh xe của phương tiện ra, vào công trường, vệ sinh dụng cụ thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, pH.

- Nước mưa chảy tràn trong công trường thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 5.304 l/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, đất cát.

- Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp trong KCN với lưu lượng khoảng 305 - 530m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Coliform.

*** Trong giai đoạn vận hành:**

- Hoạt động sinh hoạt của nhân viên nhà điều hành KCN Chơn Thành 1 phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, Coliform;

- Hoạt động từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (KCN) với lưu lượng khoảng 900m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Coliform

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng 7.948 l/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, đất, cát.

b. Khí thải.

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng:***

- Bụi phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phát quang, thu gom thực bì.
- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển sinh khối thực vật; đào đắp, thi công san nền; vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, hoạt động của phương tiện thi công trên công trường và thi công xây dựng các hạng mục công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

**** Trong giai đoạn vận hành:***

- Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Amoniac (NH₃), Metal (CH₄).
- Hoạt động của máy phát điện dự phòng và phương tiện giao thông phát sinh khí thải có thành phần chủ yếu gồm: SO₂, NO_x, CO.

c. Chất thải rắn, chất thải nguy hại.

c1). Chất thải rắn.

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng.***

- CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 5 kg/ngày, bao gồm cả nhân viên tại khu nhà điều hành KCN và công nhân xây dựng. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh CTR xây dựng khoảng 203kg trong suốt quá trình xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: đất, cát rơi vãi, bao bì xi măng, đầu mẫu sắt thép thừa, gạch vỡ, xi măng hư hỏng.

**** Trong giai đoạn vận hành:***

- Chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên tại dự án phát sinh tối đa 8kg/ngày. Đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ,...
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chủ yếu là Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, Rác thải đường phố, cây xanh, Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hố ga thoát nước mưa, Rác tại hố thu gom: gồm bịch nilong, hộp xốp, dây nhợ, hạt nhựa..... phát sinh khoảng 34,67kg/ngày.đêm

c2. Chất thải nguy hại.

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng.***

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1kg/tháng. Thành phần gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, cặn sơn thải.

*** Trong giai đoạn vận hành:**

Chất thải nguy hại phát sinh tối đa là 294,75kg/tháng, bao gồm: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, hộp mực thải, Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp, Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại

d. Tiếng ồn, độ rung.

d1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các loại máy móc tham gia thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

d2). Trong giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển; hoạt động của thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc vận chuyển, máy phát điện.

2.3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải.

2.3.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nhân viên khu nhà điều hành KCN và từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (KCN) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm để xử lý:

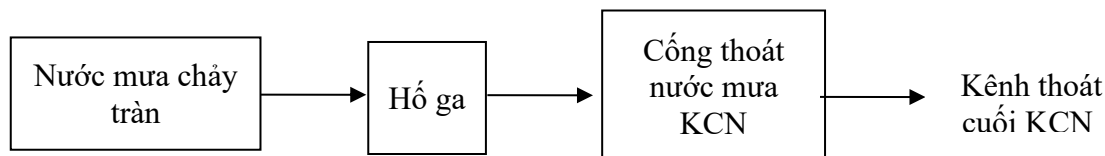
Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lược rác thô → Bể gom → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Cụm bể heo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Đồng hồ đo lưu lượng → Trạm quan trắc nước thải tự động → Thải ra suối Hồ Đá.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hồ Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bê tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

+ Quy trình xử lý:



b). Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên khu nhà điều hành KCN và từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (KCN) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm để xử lý:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lược rác thô → Bể gom → Lược rác tinh trống quay → Bể tách dầu - điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng bùn sinh học → Bể trung gian → Bể heo tụ, tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động → Thải ra suối Hồ Đá.

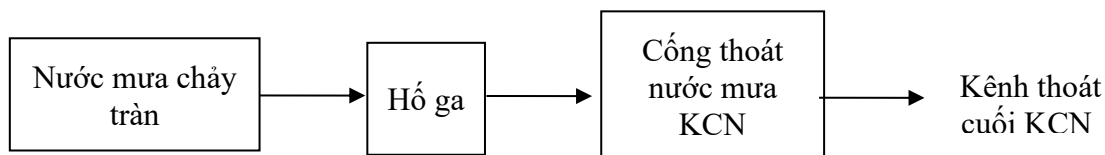
- Bùn thải được đưa về bể nén bùn sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn băng tải để giảm độ ẩm và thể tích của bùn. Bùn khô sau khi ép tách nước được sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định..

- Nước mưa chảy tràn:

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hồ Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bê tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

+ Quy trình xử lý:



2.3.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Các phương tiện giao thông khi vào dự án phải đậu đúng vị trí quy định và phải tắt máy xe, sau khi bóc dỡ các loại máy móc, thiết bị xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy thi công cơ giới phải sử dụng đúng với thiết kế của động cơ mô tơ, không hoạt động quá công suất thiết kế.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lắp đặt.
- Toàn bộ lượng đất đào được tận dụng để san nền tại vùng trũng thấp của Dự án.

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu $\geq 10\%$ diện tích toàn KCN;
- Tiếp tục duy trì khoảng cách ly giữa dự án với các đối tượng tiếp giáp xung quanh dày khoảng 30 - 50m (tùy thuộc vào từng vị trí khu dự án).
- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế hệ thống xử lý nước thải

2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại → Hợp đồng với các đơn vị thu gom và vận chuyển đem đi xử lý tuân thủ các quy định hiện hành

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

a. Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành I.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại KCN Chơn Thành 1: Hiện nay tất cả các doanh nghiệp phải tự hợp đồng thu gom xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường. Cơ quan môi trường sẽ kiểm tra xử lý trực tiếp các Công ty này. Trường hợp các Công ty này vi phạm, nếu phát hiện, Ban quản lý KCN Chơn Thành 1 sẽ báo cáo cho cơ quan môi trường để kiểm tra xử lý.

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rác thực phẩm, giấy vụn, nylon, thủy tinh, vỏ lon,... phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 được các công ty tự thu gom về khu vực tập trung tại mỗi Công ty và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

b. Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành I

- Rác thải sinh hoạt của nhân viên tại nhà điều hành Công ty được thu gom về thùng chứa rác có dung tích 120 lít. Chất thải sinh hoạt phát sinh ngoài các công ty trong KCN được đội vệ sinh của KCN thu gom. Công ty đã bố trí các thùng rác, dung tích 120 lít để thu gom rác thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên.

Chất thải sinh hoạt phát sinh nhà điều hành Công ty được thu gom, đồng thời hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ vệ sinh Môi trường Tiến Dũng (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 được các Công ty tự thu gom, phân loại và lưu trữ theo đúng quy định. Các công ty tự hợp đồng với các đơn vị có chức năng theo quy định để thu gom và xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại.

Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1

Chất thải rắn CNTT được nhân viên vệ sinh của KCN Chơn Thành 1 thu gom bằng thùng chứa rác 120 L di động sau đó tập trung tại các vị trí thuận lợi, dọc đường trong KCN và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định.

Bùn thải nạo vét định kỳ hồ ga nước mưa Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định, được thu gom trực tiếp khi thực hiện nạo vét, cơ sở không lưu chứa.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại → Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

b). Trong giai đoạn vận hành:

- *Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.*

Chất thải nguy hại của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn thành 1 phát sinh được các công ty thu gom, phân loại và lưu trữ theo đúng quy định. Các công ty tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại

- *Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1.*

Chất thải nguy hại phát sinh nhà điều hành Công ty được thu gom, đồng thời hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý (Hợp đồng thu gom dính kèm phụ lục).

Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật đặt tại khu xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp có kích thước $L \times B = 3,8 \times 4 = 15,2 \text{ m}^2$.

Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.

a). Trong giai đoạn thi công.

- Các đơn vị thi công sử dụng các phương tiện thi công hiện đại có độ ồn nhỏ để thi công nền móng.

- Đối với các xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công, quy định tốc độ và cấm bóp còi khi xe đi qua những nơi đông dân cư, trường học, trạm y tế.

Tiếng ồn sinh ra do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN hiện hành

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Tạo khoảng cây xanh cách ly với khu vực xung quanh có bề dày từ 30-50m (tùy thuộc vào từng vị trí cụ thể của khu đất dự án).

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý. Những ngành nghề phát sinh tiếng ồn tương đối lớn sẽ bố trí xa khu vực dân cư.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

2.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động, tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố cháy nổ, đơn vị thi công phải ứng cứu ngay các đối tượng trong khu vực nguy hiểm.

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Công trình, phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý vận hành đúng công suất.

+ Sử dụng máy phát điện dự phòng để cấp điện kịp thời cho hệ thống xử lý hoạt động.

+ Sử dụng các bơm, thiết bị dự phòng sẽ được trang bị cho hệ thống xử lý để kịp thời thay thế khi gặp sự cố hư hỏng thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống van chặn tại các bể của trạm xử lý nước thải. Trường hợp trạm xử lý nước thải gặp sự cố, tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Nước thải được bơm và lưu giữ tại hồ sự cố. Sau khi hoàn thành sửa chữa trạm xử lý nước thải, bơm nước thải từ hồ sự cố về trạm xử lý nước thải để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Bố trí nhân viên vận hành đúng chuyên môn, kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

Các trường hợp khi xảy ra sự cố:

Trường hợp 1: Chất lượng nước thải sau xử lý không đạt

Nước thải sau xử lý tại bể chứa trung gian sẽ được bơm về Hồ sự cố thông qua đường ống.

Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tái xử lý.

Trường hợp 2: Nồng độ nước thải đầu vào vượt ngưỡng cho phép tiếp nhận của hệ thống

Nước thải từ bể gom nước thải sẽ bơm về Hồ sự cố cho đến khi nồng độ nước thải đầu vào nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cho phép.

Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tái xử lý.

Trường hợp 3: Khi bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh hệ thống

Nước thải trong bể điều hòa sẽ bơm tạm về Hồ sự cố để phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc nuôi cấy tạm vi sinh cho hệ thống.

Khi hệ thống được khắc phục và hoạt động ổn định bình thường thì nước thải trong hồ sự cố sẽ được cân đối và bơm về Bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Biện pháp giảm thiểu tác động đến nguồn nước tiếp nhận

Để giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty sẽ tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu, cụ thể:

- Tất cả nguồn nước thải phát sinh đều phải qua hệ thống xử lý nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào nguồn tiếp nhận;

- Theo dõi chất lượng nước thải đầu vào, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNT tập trung của KCN nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống;

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống XLNT; về phương án phòng ngừa và khắc phục sự cố đối với hệ thống XLNT;

- Rà soát chương trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị của hệ thống xử lý định kỳ;

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát, rãnh dẫn nước thải đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh;

- Vận hành Nhà máy XLNTTT của KCN theo đúng quy trình để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép và đạt tính ổn định của hệ thống xử lý;

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải để có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời;

- Kiểm tra định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn tiếp nhận để đảm bảo lượng nước xả thải không gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý đều được quan trắc tự động bằng trạm quan trắc tự động được đặt tại mương thu gom nước thải sau xử lý bằng các thiết bị tự động các thông số ô nhiễm chủ yếu: lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni. Hệ thống này cho phép giám sát chất lượng nước thải tự động 24/24 giờ. Việc quan trắc tự động sẽ giúp phát hiện và cảnh báo nếu như nồng độ của một trong các thông số ô nhiễm quan trắc vượt quy chuẩn để đưa nước thải về hồ sự cố. Đồng thời, nhật ký nồng độ các thông số cũng được lưu trữ tự động tiện cho việc quản lý, kiểm tra khi cần thiết.

2.4.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

2.4.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại giữa khu vực thi công lắp đặt HTXLNT.

+ Thông số: tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, SO₂, NO₂.

+ Tần số thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4.2.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành.

a. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí

+ Vị trí 1: tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng

xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT cột A hệ số $K_q=0,9$; $K_f=1,0$

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3. Cam kết của chủ dự án

Việc triển khai đầu tư Dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)” của Công ty sẽ góp phần phát triển ngành công nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động, phù hợp chủ trương khuyến khích phát triển kinh tế của tỉnh.

Về phía Chủ đầu tư, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành cam kết về độ chính xác, trung thực, cập nhật của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và sẽ áp dụng các biện pháp xử lý ô nhiễm và phòng chống sự cố môi trường như đã nêu trong báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường để có thể hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống XLNT như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

❖ *Đối với môi trường không khí*

Giảm thiểu bụi trong quá trình lắp đặt và khí thải từ các phương tiện giao thông, phương tiện cơ giới.

❖ *Đối với nước thải*

Bố trí các nhà vệ sinh đảm bảo phục vụ cho nhu cầu vệ sinh của công nhân không gây ô nhiễm môi trường.

❖ *Đối với chất thải rắn*

Chủ dự án cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đúng quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn

các tác động xấu trong giai đoạn hoạt động như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

❖ *Đối với môi trường không khí*

Quản lý các nguồn phát sinh ô nhiễm không khí để giảm thiểu ô nhiễm không khí ngay tại nguồn.

Dự án sẽ xây dựng điểm qua trắc nguồn khí thải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

❖ *Đối với nước thải*

Hệ thống thoát nước mưa và thu gom nước thải sẽ được tách riêng biệt.

Nước mưa chảy tràn sẽ được tách rác và thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Hệ thống thu gom nước thải sẽ thu gom nước thải từ khu văn phòng, của các doanh nghiệp thành viên về hệ thống xử lý nước thải của KCN để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 40:2025/BTNMT, loại A trước khi thải ra môi trường.

Công ty cam kết tuyệt đối không để nước thải hòa lẫn vào nước mưa thoát ra môi trường bên ngoài. Nếu nước thải của Công ty hòa lẫn vào nước mưa và thoát ra môi trường bên ngoài thì Công ty sẽ chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả và đền bù thiệt hại cho các bên liên quan.

❖ *Đối với chất thải rắn*

Chủ dự án cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đúng quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

❖ *Phòng chống sự cố môi trường*

Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hóa chất, hỏa hoạn, sự cố chập điện, vệ sinh, an toàn lao động, an toàn thực phẩm và các biện pháp phòng chống sự cố ô nhiễm.

❖ *Chương trình quan trắc môi trường*

Lập hồ sơ giám sát môi trường như trình bày ở chương 5 và tổ chức giám sát chất lượng môi trường khu vực sản xuất cũng như các nguồn thải của dự án và có những biện pháp kịp thời đối với các kết quả giám sát.

Thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 lần/năm, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi.

❖ *Quản lý môi trường*

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình thiết kế, thi công và vận hành các hệ thống không chế ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường khi xảy ra.

Đảm bảo hoàn thành các công trình xử lý ô nhiễm đã đề xuất trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức và đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình xử lý chất thải đã lắp đặt.

Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

**CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP
CHƠN THÀNH**



Quang Học Yết